

Số: 402/QĐTN

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, ngành Giáo dục mầm non, hệ VL VH, khóa tuyển sinh năm 2010, tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 05/TCCB ngày 06 tháng 01 năm 1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục&Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-HC ngày 16/04/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc thành lập Hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp hệ VL VH, ngành THSP Mầm non, khóa thi ngày 21,22 tháng 04/2012 tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 02/05/2012 của hội đồng Trường Đại học Sư phạm;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học cho 199 học viên tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN, khóa tuyển sinh năm 2010 (có danh sách kèm theo).

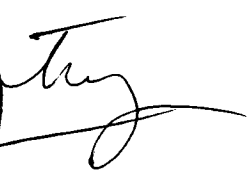
Điều 2. Cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp cho các học viên có tên ở Điều 1.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, HCTH, Ban Chủ nhiệm khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non và các học viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- HĐĐN (Ban Đào tạo)
- Bộ GD-ĐT (qua Ban Đào tạo)
- Lưu HCTH, ĐT

KT. **HIỆU TRƯỞNG** 
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 402/QĐTN ngày 03 tháng 5 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Ngành đào tạo : TCCN, ngành Giáo dục mầm non, hệ vừa làm vừa học tại Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/03/85	Quảng Nam	6,9	Trung bình khá	0004993
2	Đặng Thị Kim	Anh	28/04/91	Đà Nẵng	7,4	Khá	4
3	Nguyễn Thị	Bi	20/11/90	Quảng Nam	7,7	Khá	5
4	Trần Thị	Châu	10/01/92	Gia Lai	7,6	Khá	6
5	Nguyễn Thị Hồng	Châu	23/07/91	Quảng Nam	7,3	Khá	7
6	Võ Thị Lan	Chi	04/07/92	Quảng Nam	6,8	Trung bình khá	8
7	Nguyễn Thị Trúc	Chi	05/10/92	Đà Nẵng	7,1	Khá	9
8	Phạm Thị Tô	Chiêu	10/01/91	Đà Nẵng	7,1	Khá	005000
9	Trịnh Thị	Chiêu	25/12/91	Quảng Ngãi	7,6	Khá	1
10	Lê Thị Mơ	Chung	26/11/91	Quảng Nam	7,7	Khá	2
11	Trần Thị	Công	11/01/90	Quảng Nam	7,5	Khá	3
12	Nguyễn Thị Kim	Cương	14/03/89	Quảng Bình	7,4	Khá	4
13	Nguyễn Thị	Dung	20/03/92	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	5
14	Trần Thị Kim	Dung	09/12/92	Quảng Nam	7,2	Khá	6
15	Trương Thị Bích	Dung	02/09/92	Đà Nẵng	7,4	Khá	7
16	Võ Thị Phương	Dung	24/03/92	Quảng Nam	7,2	Khá	8
17	Huỳnh Thị Phương	Dung	10/11/92	Quảng Nam	7,7	Khá	9
18	Phạm Thị	Dung	27/11/91	Quảng Nam	7,4	Khá	10
19	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	20/11/90	Quảng Bình	7,7	Khá	1
20	Trần Thị Hiền	Duy	02/02/89	Quảng Nam	7,1	Khá	2
21	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/11/92	Quảng Bình	7,9	Khá	3
22	Nguyễn Thị	Duyên	20/03/92	Quảng Nam	7,2	Khá	4
23	Nguyễn Thị	Đến	12/01/91	Quảng Nam	6,8	Trung bình khá	5
24	Cao Thị	Đường	15/02/88	Bình Định	7,4	Khá	6
25	Trần Thị	Giang	15/12/92	Quảng Bình	7,1	Khá	7
26	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	20/06/91	Quảng Nam	7,4	Khá	8
27	Ngô Thị Thu	Hà	06/02/88	Quảng Bình	7,6	Khá	9
28	Tường Thị	Hà	08/03/90	Quảng Bình	7,1	Khá	20
29	Trần Thị	Hải	02/09/91	Quảng Nam	7,4	Khá	1
30	Hoàng Thị	Hằng	26/10/92	Quảng Bình	7,5	Khá	2
31	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	23/11/92	Đà Nẵng	7,1	Khá	3
32	Nguyễn Thị Nguyên	Hạnh	26/10/88	Quảng Nam	7,9	Khá	4

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
33	Trần Thị Mỹ	Hạnh	13/09/92	Quảng Nam	7,7	Khá	005025
34	Đỗ Lê Mỹ	Hạnh	01/01/91	Gia Lai	7,7	Khá	6
35	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	30/04/92	Đà Nẵng	7,7	Khá	7
36	Nguyễn Thị	Hiền	03/05/92	Quảng Nam	6,6	Trung bình khá	8
37	Lê Thị Thu	Hiền	22/09/92	Quảng Bình	6,9	Trung bình khá	9
38	Nguyễn Thu	Hiền	06/09/91	Quảng Bình	7,6	Khá	30
39	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/04/89	Quảng Nam	7,9	Khá	1
40	Phan Thị Thu	Hiền	05/03/91	Quảng Nam	6,8	Trung bình khá	2
41	Phạm Thị Thu	Hiền	10/10/92	Hà Tĩnh	7,9	Khá	3
42	Phan Thị	Hiền	22/01/91	Hà Tĩnh	6,8	Trung bình khá	4
43	Hồ Thị Ngọc	Hiếu	26/03/92	Quảng Bình	7,5	Khá	5
44	Lê Thị	Hoa	27/09/92	Quảng Bình	6,7	Trung bình khá	6
45	Lê Thị	Hoa	23/09/92	Hà Tĩnh	7,6	Khá	7
46	Nguyễn Thị	Hoa	01/08/91	Đà Nẵng	7,5	Khá	8
47	Trần Thị	Hòa	19/05/92	Quảng Trị	7,2	Khá	9
48	Nguyễn Thị	Hòa	23/10/92	Hà Tĩnh	7,4	Khá	40
49	Phan Thị	Huế	23/09/91	Hà Tĩnh	7,6	Khá	1
50	Nguyễn Thị	Huế	06/02/92	Quảng Trị	7,9	Khá	2
51	Trần Thị	Huế	10/04/84	Đà Nẵng	6,6	Trung bình khá	3
52	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/05/81	Đà Nẵng	8,1	Giỏi	4
53	Ngô Thị	Hương	15/12/92	Đà Nẵng	7,1	Khá	5
54	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	03/10/92	Quảng Nam	7,2	Khá	6
55	Trương Thị Mỹ	Hương	02/06/91	Quảng Nam	7,3	Khá	7
56	Nguyễn Thị	Huyền	13/03/92	Đà Nẵng	7,2	Khá	8
57	Hứa Thị	Huyền	19/08/91	Quảng Nam	7,8	Khá	9
58	Đặng Thị	Huyền	07/01/91	Nghệ An	7,4	Khá	50
59	Trần Thị Như	Kiều	16/07/90	Quảng Trị	7,6	Khá	1
60	Trương Thị Thúy	Kiều	12/03/91	Quảng Nam	7,3	Khá	2
61	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	12/10/91	QN-Đà Nẵng	7,1	Khá	3
62	Võ Thị	Kiều	09/10/91	Đà Nẵng	7,7	Khá	4
63	Nguyễn Thị	Kiều	27/08/92	Quảng Nam	7,2	Khá	5
64	Tào Thị	Lài	20/05/92	Quảng Nam	7,1	Khá	6
65	Lưu Thị	Lan	15/11/91	Quảng Nam	7,2	Khá	7
66	Lê Thị	Lan	04/12/91	Quảng Nam	7,4	Khá	8
67	Văn Thị Kim	Lan	24/11/91	Kon Tum	7,9	Khá	9
68	Trần Thị	Lân	26/10/90	Quảng Trị	7,7	Khá	60
69	Đoàn Thị	Lãnh	20/11/91	Quảng Nam	7,2	Khá	1

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
70	Phạm Thị Ngọc	Lệ	11/04/92	Quảng Ngãi	7,3	Khá	0005062
71	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	01/09/89	Quảng Nam	7,6	Khá	3
72	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/06/89	Quảng Nam	7,3	Khá	4
73	Phạm Thị Mỹ	Linh	02/01/92	Đà Nẵng	7,4	Khá	5
74	Đinh Nữ Khánh	Linh	24/01/91	Quảng Bình	7,7	Khá	6
75	Cao Thị Bích	Loan	20/12/92	Quảng Bình	7,6	Khá	7
76	Huỳnh Thị Mỹ	Loan	12/10/89	Thừa Thiên- Huế	7,5	Khá	8
77	Nguyễn Thị	Loan	06/06/92	Quảng Nam	7,2	Khá	9
78	Nguyễn Thị	Luyến	27/10/88	Quảng Bình	7,2	Khá	70
79	Lê Thị	Luyen	21/05/92	Quảng Nam	6,6	Trung bình khá	1
80	Lê Thị Mai	Lý	21/05/92	Đà Nẵng	6,7	Trung bình khá	2
81	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	20/02/91	Quảng Nam	7,0	Khá	3
82	Nguyễn Thị Trà	Mai	20/04/92	Quảng Nam	7,1	Khá	4
83	Trương Thị	Minh	30/10/91	Quảng Bình	7,2	Khá	5
84	Trần Thị	Mùi	12/03/92	Thừa Thiên- Huế	7,0	Khá	6
85	Lê Thị Diễm	My	20/11/92	Quảng Nam	7,4	Khá	7
86	Huỳnh Thị Trà	My	14/04/92	Quảng Nam	7,2	Khá	8
87	Nguyễn Thị	Mỹ	15/10/86	Quảng Nam	7,4	Khá	9
88	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	01/09/89	Đà Nẵng	7,0	Khá	80
89	Đặng Thị Hoàng	Na	29/07/92	Đà Nẵng	7,3	Khá	1
90	Nguyễn Thị Hoàng	Na	03/08/91	Đà Nẵng	7,3	Khá	2
91	Phạm Thị Thúy	Năm	20/08/90	Quảng Bình	7,4	Khá	3
92	Nguyễn Thị	Nga	06/10/92	Quảng Bình	7,8	Khá	4
93	Nguyễn Thị	Nga	12/02/92	Quảng Nam	7,4	Khá	5
94	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/11/92	Đà Nẵng	7,4	Khá	6
95	Võ Thị Bích	Ngọc	19/03/91	Đà Nẵng	7,4	Khá	7
96	Nguyễn Thị	Ngọc	23/07/90	Quảng Nam	6,4	Trung bình khá	8
97	Nguyễn Thị Thùy	Nguyên	20/07/91	Quảng Nam	7,9	Khá	9
98	Phạm Thị	Nguyệt	02/10/92	Quảng Nam	7,5	Khá	90
99	Hà Thị	Nguyệt	22/05/92	Quảng Bình	7,2	Khá	1
100	Trần Thị	Nguyệt	13/05/92	Quảng Bình	7,5	Khá	2
101	Võ Thị Minh	Nguyệt	17/05/91	Quảng Nam	6,5	Trung bình khá	3
102	Lê Thị Ánh	Nguyệt	11/10/89	Gia Lai	7,9	Khá	4
103	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	13/08/92	Đà Nẵng	7,6	Khá	5
104	Phan Thị Thanh	Nhân	28/06/92	Thừa Thiên- Huế	6,6	Trung bình khá	6
105	Lương Thị Ánh	Nhi	15/01/92	Quảng Nam	7,1	Khá	7
106	Nguyễn Thị	Nhiều	10/10/92	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	8

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
107	Trương Thị Hải	Nhung	14/09/92	Đà Nẵng	7,6	Khá	CC5239
108	Cao Thị	Nhung	14/02/92	Quảng Nam	7,2	Khá	1CC
109	Nguyễn Thị	Nhung	03/03/92	Quảng Nam	7,1	Khá	1
110	Phan Thị Tuyết	Nhung	12/04/90	Quảng Bình	8,2	Giỏi	2
111	Châu Thị	Nhật	20/07/92	Quảng Nam	7,1	Khá	3
112	Lương Thị Sao	Ny	16/08/90	Quảng Nam	7,5	Khá	4
113	Cao Thị Kiều	Oanh	29/08/92	Quảng Bình	7,5	Khá	5
114	Bùi Thị	Phước	02/06/92	Quảng Nam	6,6	Trung bình khá	6
115	Võ Thị Kim	Phước	19/04/92	Quảng Nam	6,5	Trung bình khá	7
116	Trần Nhã	Phương	28/01/91	Quảng Bình	7,0	Khá	8
117	Nguyễn Thị Minh	Phương	22/02/92	Đà Nẵng	7,2	Khá	9
118	Đoàn Thị Bích	Phượng	12/10/92	Quảng Nam	6,9	Trung bình khá	10
119	Trần Thị	Quê	06/11/89	Quảng Bình	7,0	Khá	1
120	Nguyễn Thị	Quy	25/05/92	Quảng Nam	7,5	Khá	2
121	Nguyễn Duy Thị	Quý	25/01/91	Quảng Trị	6,7	Trung bình khá	3
122	Nguyễn Thị Anh	Sâm	14/09/92	Quảng Bình	7,5	Khá	4
123	Bùi Lê Hương	Sen	16/09/88	Quảng Nam	7,6	Khá	5
124	Đặng Thị	Sinh	30/04/89	Đà Nẵng	7,0	Khá	6
125	Nguyễn Thị Thu	Sương	22/08/92	Quảng Nam	7,1	Khá	7
126	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/12/91	Đà Nẵng	7,5	Khá	8
127	Từ Thị Thanh	Tâm	30/04/92	Quảng Bình	7,5	Khá	9
128	Trần Thị	Tâm	06/01/92	Quảng Ngãi	7,7	Khá	20
129	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10/05/92	Quảng Nam	6,8	Trung bình khá	1
130	Nguyễn Thị	Thắm	08/12/90	Quảng Nam	7,8	Khá	2
131	Hồ Thị Viết	Thanh	18/12/92	QN-Đà Nẵng	7,7	Khá	3
132	Đặng Thị Mỹ	Thao	20/08/91	Quảng Nam	7,2	Khá	4
133	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	23/09/92	Quảng Nam	7,0	Khá	5
134	Lê Thị	Thảo	17/08/92	Đà Nẵng	6,8	Trung bình khá	6
135	Trần Thị Thanh	Thảo	25/10/92	Đà Nẵng	7,3	Khá	7
136	Lê Thị	Thảo	11/04/92	Quảng Nam	6,9	Trung bình khá	8
137	Hà Thị	Thảo	30/09/92	Quảng Bình	6,8	Trung bình khá	9
138	Hồ Thị Nhật	Thoa	01/10/89	Quảng Nam	7,5	Khá	30
139	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	10/07/91	Quảng Bình	7,4	Khá	1
140	Dương Thị Lệ	Thu	17/04/92	Quảng Bình	7,1	Khá	2
141	Cao Thị	Thu	20/05/92	Quảng Bình	7,8	Khá	3
142	Lưu Kim	Thư	17/09/90	Đà Nẵng	7,5	Khá	4
143	Hà Thị Lê	Thuận	15/05/92	Quảng Nam	7,8	Khá	5

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
144	Đoàn Thị Hồng	Thương	19/05/92	Quảng Bình	7,2	Khá	0005436
145	Võ Thị Hoài	Thương	12/12/91	Quảng Bình	8,1	Giỏi	7
146	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	17/07/92	QN-Đà Nẵng	6,8	Trung bình khá	8
147	Ngô Thị	Thúy	16/02/90	Gia Lai	7,4	Khá	9
148	Võ Thị Bích	Thùy	08/10/92	Quảng Nam	7,8	Khá	40
149	Nguyễn Thị Thu	Thùy	22/06/92	Quảng Nam	7,6	Khá	1
150	Trần Thị Thu	Thùy	30/03/92	Quảng Nam	7,5	Khá	2
151	Lê Thị	Thùy	19/02/92	Nghệ An	7,5	Khá	3
152	Nguyễn Thị	Thùy	08/10/92	Quảng Bình	6,8	Trung bình khá	4
153	Nguyễn Thị Như	Thùy	16/06/92	Đà Nẵng	6,6	Trung bình khá	5
154	Phạm Thị Kim	Thùy	21/02/92	Hà Tĩnh	7,4	Khá	6
155	Phạm Thị	Thùy	11/09/89	Quảng Trị	6,3	Trung bình khá	7
156	Phan Thị Thanh	Thuyền	30/05/89	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	8
157	Đỗ Thị Mai	Trâm	29/10/92	Quảng Nam	7,2	Khá	9
158	Trần Thị Diễm	Trâm	15/09/91	Đà Nẵng	7,0	Khá	50
159	Hồ Thị Thùy	Trâm	26/04/91	Đà Nẵng	7,1	Khá	1
160	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/08/92	Đà Nẵng	7,3	Khá	2
161	Lê Thị	Trang	18/09/91	Đà Nẵng	7,2	Khá	3
162	Đỗ Thị Huyền	Trang	13/07/91	Quảng Nam	7,1	Khá	4
163	Nguyễn Thị Kim	Trang	20/03/91	Quảng Nam	6,9	Trung bình khá	5
164	Phạm Thị Thu	Trang	22/05/92	Đà Nẵng	7,0	Khá	6
165	Huỳnh Thị Như	Trang	04/12/92	Đà Nẵng	6,7	Trung bình khá	7
166	Võ Thị	Trinh	01/10/92	Quảng Nam	7,0	Khá	8
167	Nguyễn Thị Tô	Trinh	16/05/92	Đà Nẵng	7,1	Khá	9
168	Lê Kiều	Trinh	02/07/92	Quảng Nam	7,3	Khá	60
169	Hồ Thị Kim	Trọng	24/11/92	Quảng Nam	7,7	Khá	1
170	Nguyễn Thị Kiều	Trúc	02/12/90	Đà Nẵng	6,5	Trung bình khá	2
171	Nguyễn Thị	Tú	21/09/92	Quảng Bình	7,1	Khá	3
172	Lê Ngọc	Tuấn	12/07/92	Quảng Bình	6,8	Trung bình khá	4
173	Mai Thị	Tuyên	06/04/92	Quảng Bình	7,1	Khá	5
174	Đoàn Thị Ánh	Tuyết	20/03/92	Quảng Bình	6,9	Trung bình khá	6
175	Hồ Thị Hiền	Vân	10/08/90	Thừa Thiên- Huế	7,3	Khá	7
176	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	05/09/92	Quảng Bình	7,1	Khá	8
177	Đào Thị	Vân	30/04/92	Quảng Nam	7,3	Khá	9
178	Phạm Thị Hồng	Vân	04/03/92	Đà Nẵng	6,8	Trung bình khá	70
179	Hoàng Lê Thị Bích	Vân	12/09/92	Quảng Nam	6,3	Trung bình khá	1
180	Phạm Thị Cẩm	Vân	14/10/91	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	2

STT	HỌ VÀ TÊN		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Điểm Trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
181	Lương Thị Tường	Vi	22/12/91	Quảng Nam	7,2	Khá	0005173
182	Dương Thị	Vui	04/12/87	Quảng Bình	7,0	Khá	4
183	Hồ Thị Lan	Vi	02/04/88	Đà Nẵng	6,5	Trung bình khá	5
184	Châu Thị Tường	Vy	03/05/92	Quảng Nam	6,8	Trung bình khá	6
185	Nguyễn Thân Ái	Vy	08/10/92	Đà Nẵng	7,2	Khá	7
186	Phan Thị Trường	Vy	26/11/92	Quảng Nam	7,7	Khá	8
187	Nguyễn Thị Khánh	Xuân	07/06/92	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	9
188	Ngô Thị	Xuân	01/08/91	Đà Nẵng	7,4	Khá	80
189	Trần Thị Như	Ý	08/03/92	Quảng Nam	7,4	Khá	1
190	Trương Thị Diệu	Yên	29/06/92	Quảng Nam	7,3	Khá	2
191	Đoàn Thị Thu	Yên	03/01/92	Đà Nẵng	7,8	Khá	3
192	Mạc Thị Như	Yên	20/02/92	Đà Nẵng	6,3	Trung bình khá	4
193	Ngô Thị Hải	Yên	02/12/92	QN-Đà Nẵng	6,6	Trung bình khá	5
194	Võ Thị	Yên	21/06/92	Quảng Nam	6,9	Trung bình khá	6
195	Cao Thị Mỹ	Lan	02/10/90	Quảng Bình	6,4	Trung bình khá	TS. 132a/09 7
196	Trần Thị Thanh	Mỹ	15/06/91	Quảng Nam	6,7	Trung bình khá	TS. 199/09 8
197	Nguyễn Thị	Nin	12/06/90	Đà Nẵng	6,4	Trung bình khá	TS. 178/09 9
198	Nguyễn Thị	Son	01/03/89	Quảng Nam	7,2	Khá	TS.178/09 10
199	Nguyễn Thị Ánh	Vân	24/05/89	Quảng Nam	7,6	Khá	TS. 199/09 11

Ấn định danh sách này có 199 (một trăm chín mươi chín) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có

Nam: 0 - Nữ: 199

- 03 xếp loại Giỏi
- 150 xếp loại Khá
- 46 xếp loại Trung bình khá

Đã tính ký 199 bằng TN
19/7/2012

htrm

Đã ký 199 bằng TN

Đã ký 20/7/2012

(Signature)

KI. HIỆU TRƯỞNG *(Signature)*

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH HỌC VIÊN THI HỒNG TỐT NGHIỆP
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC - BẠC TCCN - NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
KHOÁ 2010-2012 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM-ĐHĐN**

(Thi tốt nghiệp ngày 22/04/2012)

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH	LÝ DO
1	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	17/03/90	Quảng Bình	Thi hồng môn Chính trị
2	Phan Thị Thùy Linh	26/03/92	Đà Nẵng	Thi hồng môn Chính trị

Ấn định danh sách này có 02 học viên

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 5 năm 2012

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG